ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 417/KH-UBND	*Hưng Yên, ngày 08 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch hành động số 112-KH/TU ngày 21/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động số 34-CTr/TW về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

Thực hiện Kế hoạch hành động số 112-KH/TU ngày 21/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 112-KH/TU, Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động số 34-CTr/TW), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TW và Kế hoạch số 112-KH/TU thành các nhiệm vụ quản lý, điều hành của UBND tỉnh; bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện.

- Xác định rõ nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm và tiến độ thực hiện; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Phát huy tiềm năng, lợi thế vùng biển, ven biển; phát triển kinh tế biển theo hướng hiện đại, xanh, thông minh, đa ngành, bền vững; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển.

- Kế thừa kết quả, nhiệm vụ, chương trình đang triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và các chương trình, quy hoạch, kế hoạch có liên quan; bảo đảm phù hợp quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và khả năng cân đối nguồn lực.

- Việc triển khai phải có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp; các nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất, chuẩn bị đầu tư và đầu tư xây dựng phải thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và quy định pháp luật.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị biển

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TW, Kế hoạch số 112-KH/TU và Kế hoạch này đến cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và Nhân dân bằng hình thức phù hợp; làm rõ vị trí, vai trò, tiềm năng, lợi thế của biển và yêu cầu phát triển kinh tế biển mạnh, xanh, bền vững.

- Đổi mới nội dung, phương thức truyền thông về biển; tăng cường thông tin đối ngoại, tuyên truyền pháp luật về tài nguyên, môi trường biển, bảo vệ chủ quyền, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); nâng cao ý thức cộng đồng trong bảo vệ hệ sinh thái và môi trường biển.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về biển; tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương và lực lượng chức năng trong quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường, không gian biển; rà soát, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, liên địa phương.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trong tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội và tham gia thực hiện chính sách, pháp luật về biển.

2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và tổ chức không gian phát triển biển

- Rà soát, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật của Trung ương về tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và các lĩnh vực liên quan; chủ động tham gia ý kiến, đề xuất trong quá trình xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về biển.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có Phương án phân vùng sử dụng không gian biển của tỉnh, bảo đảm phù hợp Quy hoạch không gian biển quốc gia và các quy hoạch có liên quan; phối hợp rà soát, cập nhật, điều chỉnh quy hoạch không gian biển, quy hoạch vùng bờ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Rà soát, quản lý chặt chẽ việc khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian biển, vùng bờ, cửa sông, đất bãi triều, khu vực mặt nước ven biển; kiểm soát việc giao khu vực biển, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và hoạt động lấn biển theo đúng quy hoạch, thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật; phòng ngừa, xử lý xung đột giữa các ngành, lĩnh vực.

- Rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp để phát triển hạ tầng ven biển, cảng biển, logistics, dịch vụ hàng hải, năng lượng tái tạo, thủy sản công nghệ cao, du lịch biển, công nghiệp chế biến và các ngành kinh tế biển mới; khuyến khích mô hình đầu tư xanh, tuần hoàn, thông minh.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực; phát triển doanh nghiệp biển

- Tập trung phát triển không gian kinh tế ven biển trở thành một trong những động lực tăng trưởng mới của tỉnh; phát triển đồng bộ Khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, cảng biển, logistics, năng lượng, đô thị và dịch vụ ven biển; tiếp tục nghiên cứu, cập nhật định hướng mô hình Khu kinh tế theo chỉ đạo, quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Rà soát, xây dựng danh mục dự án trọng điểm ưu tiên thực hiện tại vùng ven biển theo từng giai đoạn, phù hợp quy hoạch, khả năng cân đối nguồn lực và khả năng huy động vốn; xác định rõ dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án thu hút đầu tư ngoài ngân sách theo quy định.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh tế biển, liên kết vùng, công nghiệp, du lịch, thương mại - dịch vụ, năng lượng và logistics; tham mưu giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi cung ứng cảng biển, logistics, đóng tàu, du lịch, nuôi biển, chế biến thủy sản và công nghệ biển.

- Tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; thúc đẩy tiếp nhận, làm chủ, chuyển giao công nghệ; huy động nguồn lực hợp pháp phục vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và bảo đảm quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế biển.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực biển

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong điều tra, đánh giá tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, hệ sinh thái và các ngành kinh tế biển; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo phục vụ kinh tế biển; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ số, dữ liệu lớn, viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý nhà nước, giám sát tài nguyên, môi trường, biến động đường bờ, chất lượng môi trường, hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản.

- Phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, cập nhật, kết nối và khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và vùng bờ; từng bước hình thành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm kết nối, chia sẻ và khai thác theo quy định.

- Đào tạo, thu hút, phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao, chú trọng cán bộ quản lý, khoa học - kỹ thuật và lao động trong các ngành công nghiệp ven biển, hàng hải, logistics, du lịch, thủy sản, năng lượng; tăng cường liên kết giữa chính quyền, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, khu kinh tế, khu công nghiệp và doanh nghiệp.

5. Đột phá phát triển các ngành kinh tế biển hiện đại, xanh, thông minh và các lĩnh vực biển mới

- Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực biển; ưu tiên thu hút dự án quy mô phù hợp, công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, có hạ tầng dùng chung và gắn với yêu cầu quốc phòng, an ninh.

- Phát triển công nghiệp ven biển, công nghiệp chế biến, dịch vụ hàng hải, logistics và các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên tại Kế hoạch số 112-KH/TU; nghiên cứu khai thác tài nguyên khoáng sản biển theo hướng hiệu quả, bền vững, tuân thủ quy hoạch và quy định pháp luật.

- Cơ cấu lại ngành thủy sản theo chuỗi giá trị, hiện đại, bền vững; bảo tồn, phát triển nguồn gen, chủ động sản xuất giống thủy sản; ứng dụng khoa học, công nghệ trong nuôi trồng, khai thác, bảo quản, chế biến thủy sản; hiện đại hóa đội tàu, giảm khai thác ven bờ, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phát triển khai thác xa bờ và nuôi biển công nghiệp công nghệ cao gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng nghề cá, cảng cá, hệ thống bảo quản, chế biến và chuỗi công nghiệp phụ trợ; hoàn thiện chính sách đối với ngư dân, ngư nghiệp, ngư trường; thực hiện nghiêm quy định về chống khai thác IUU và phát triển nghề cá có trách nhiệm.

- Đa dạng hóa sản phẩm du lịch chất lượng cao, có bản sắc; phát triển du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, khám phá văn hóa, tham quan trải nghiệm và du lịch cộng đồng ven biển; ưu tiên hạ tầng du lịch đồng bộ, hiện đại, liên kết các không gian du lịch ven biển.

- Phát triển năng lượng tái tạo; nghiên cứu, đề xuất phát triển các dự án điện gió ngoài khơi và chuyển đổi năng lượng tại vùng ven biển trên cơ sở quy hoạch, quy định pháp luật, yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh và đánh giá tác động môi trường.

6. Phát triển đồng bộ hạ tầng biển, mở rộng không gian phát triển và hình thành các trung tâm kinh tế biển

- Ưu tiên nghiên cứu, chuẩn bị và triển khai đầu tư 03 tuyến đường trục dọc kết nối Khu kinh tế ven biển phía Nam tỉnh với khu vực trung tâm, phía Bắc tỉnh và các địa phương, khu vực kinh tế ngoài tỉnh; bảo đảm đồng bộ với quy hoạch giao thông và khả năng cân đối nguồn lực.

- Phối hợp rà soát, triển khai các định hướng phát triển Khu bến Diêm Điền, Khu bến Trà Lý, Khu bến Ba Lạt theo quy hoạch cảng biển được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nghiên cứu khả năng hình thành khu bến cảng ngoài cửa sông có khả năng tiếp nhận tàu đến 200.000 tấn theo định hướng của Kế hoạch số 112-KH/TU.

- Nghiên cứu, phối hợp với bộ, ngành và địa phương liên quan về kết nối đường sắt với cảng biển, cảng hàng không, cảng thủy nội địa, cảng cạn và trung tâm logistics; đề xuất phương án kết nối phù hợp mạng lưới giao thông quốc gia.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, viễn thông, hạ tầng số và hạ tầng xã hội tại đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, khu dân cư ven biển; gắn phát triển đô thị biển xanh, thông minh với chống ngập, thích ứng khí hậu và bảo đảm không gian tiếp cận công cộng với biển.

- Phát triển Khu kinh tế ven biển theo hướng hiện đại, đa ngành, đa chức năng; thúc đẩy công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ số, logistics và dịch vụ chất lượng cao; tăng cường liên kết các trung tâm kinh tế và hành lang biển.

7. Bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển; chủ động ứng phó biến đổi khí hậu

- Tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường biển; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên; phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, hủy hoại nguồn lợi thủy sản; thực hiện nghiêm quy định về chống khai thác IUU.

- Bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái cửa sông, ven biển, rừng ngập mặn, bãi triều và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học; duy trì, phát triển diện tích rừng ven biển theo phương án quản lý rừng bền vững được cấp có thẩm quyền phê duyệt; huy động doanh nghiệp, cộng đồng tham gia bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng; chủ động phòng, chống biển xâm thực, sạt lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn; xây dựng, cập nhật phương án ứng phó sự cố môi trường biển và sự cố hóa chất theo quy định.

- Rà soát, đề xuất đầu tư, nâng cấp hệ thống đê, kè, cống ven biển, cửa biển, công trình phòng chống thiên tai; hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo tự động chất lượng môi trường biển; ưu tiên công trình cấp bách, trọng điểm theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực.

- Kiểm soát việc quy hoạch, đầu tư các khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu du lịch ven biển; bảo đảm hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu.

8. Xây dựng văn hóa biển, nâng cao đời sống Nhân dân và phát huy sức mạnh cộng đồng cư dân biển

- Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, sinh thái, bản sắc biển; bảo tồn không gian văn hóa, kiến trúc và di sản thiên nhiên vùng ven biển; thực hiện số hóa di sản văn hóa biển theo mục tiêu của Kế hoạch số 112-KH/TU.

- Phát triển thiết chế văn hóa, thể thao và các hoạt động giáo dục truyền thống, nâng cao nhận thức về biển, đại dương; gắn bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch, thể thao và kinh tế - xã hội vùng ven biển.

- Nâng cao đời sống, bảo đảm an sinh, an ninh, an toàn cho cư dân vùng ven biển và người lao động trên biển; hỗ trợ ngư dân, người lao động biển chuyển đổi nghề, nâng cao kỹ năng, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm và thị trường theo chính sách, quy định hiện hành.

- Phát triển tổ đội, hợp tác xã, doanh nghiệp cộng đồng; xây dựng cộng đồng cư dân biển tự quản, an toàn, văn minh; bảo đảm quyền tiếp cận, tham gia, hưởng lợi và trách nhiệm của người dân đối với biển; phát huy vai trò ngư dân, cư dân biển trong cung cấp thông tin, tham gia bảo vệ môi trường và chủ quyền.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển; tăng cường hợp tác quốc tế

- Củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển; bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia; bảo đảm an ninh, an toàn cho Nhân dân, hoạt động hợp pháp và các công trình, dự án trọng điểm trên biển, ven biển.

- Nâng cao năng lực thực thi pháp luật, phối hợp giữa các lực lượng chức năng; chủ động nắm tình hình, phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm; ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội khu vực biển.

- Nâng cao năng lực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, y tế biển và ứng phó sự cố; đầu tư trang thiết bị, đào tạo nhân lực, ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định; phát huy vai trò ngư dân, doanh nghiệp vận tải, du lịch và cộng đồng trong hỗ trợ lực lượng chức năng.

- Mở rộng hợp tác quốc tế có trọng tâm trong nghiên cứu biển, công nghệ đại dương, đào tạo, bảo tồn, quản trị biển, du lịch, logistics, năng lượng và ứng phó

biến đổi khí hậu; tăng cường thông tin đối ngoại, phổ biến pháp luật quốc tế về biển và huy động nguồn lực tri thức, công nghệ, đầu tư chất lượng cao.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch; chủ trì thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục. Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp xử lý; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền. Chủ trì phối hợp rà soát quản lý tài nguyên, môi trường biển, vùng bờ, đất bãi triều, mặt nước ven biển, hệ sinh thái, thủy sản, đê điều và phòng chống thiên tai theo chức năng, nhiệm vụ.

2. Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu cân đối, bố trí vốn ngân sách nhà nước theo phân cấp, khả năng cân đối ngân sách và quy định pháp luật; phối hợp huy động nguồn lực hợp pháp; rà soát, tham mưu danh mục dự án ưu tiên, cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và phát triển Khu kinh tế ven biển theo nhiệm vụ được giao.

3. Sở Xây dựng

Chủ trì tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về quy hoạch, phát triển hạ tầng giao thông, đường bộ, cảng biển, kết nối đường sắt, hạ tầng đô thị, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật ven biển theo quy hoạch, thẩm quyền; phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan trong nghiên cứu, đề xuất các dự án kết nối vùng.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì tham mưu phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, AI, GIS, viễn thám và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, phát triển kinh tế biển; phối hợp triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao công nghệ biển.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp tham mưu phát triển công nghiệp ven biển, năng lượng, năng lượng tái tạo, chuyển đổi năng lượng và các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý; phối hợp thu hút đầu tư, bảo đảm an toàn và hiệu quả sử dụng năng lượng.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì tham mưu phát triển du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, di sản biển; thực hiện số hóa di sản văn hóa biển và phát triển thiết chế văn hóa, thể thao vùng ven biển.

7. Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tham mưu đào tạo, thu hút, phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao; kết nối cơ sở giáo dục, đào tạo nghề với cơ quan quản lý, khu kinh tế, khu công nghiệp và doanh nghiệp.

8. Thanh tra tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, tổ chức thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực, hoạt động nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm theo kế hoạch và thẩm quyền; kiến nghị xử lý nghiêm vi phạm theo quy định.

9. Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh

Phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành tham mưu phát triển Khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp; rà soát nhu cầu đầu tư, hạ tầng dùng chung, cơ chế thu hút đầu tư và danh mục dự án ưu tiên; theo dõi tình hình triển khai dự án thuộc phạm vi quản lý.

10. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động tham mưu bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn trên biển và khu vực ven biển; phối hợp bảo vệ công trình, dự án trọng điểm; thực hiện nhiệm vụ thực thi pháp luật, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó sự cố và bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

11. Các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị được giao chủ trì

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và Phụ lục Kế hoạch, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai; xác định sản phẩm, tiến độ, nhu cầu kinh phí và nguồn lực; tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về tiến độ, chất lượng và kết quả nhiệm vụ được giao. Chủ động phối hợp, cung cấp thông tin, số liệu cho cơ quan đầu mối.

12. UBND các xã, phường

Căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế địa phương, tổ chức triển khai nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý; rà soát hiện trạng, quỹ đất, không gian ven biển, khu vực cửa sông, bãi triều, hệ sinh thái và các dự án trên địa bàn; phối hợp giải phóng mặt bằng, quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường, bảo đảm an ninh trật tự; tuyên truyền, vận động Nhân dân và báo cáo kết quả thực hiện.

13. Văn phòng UBND tỉnh

Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý các nhiệm vụ chậm tiến độ, khó khăn, vướng mắc và báo cáo cấp có thẩm quyền.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện Kế hoạch; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về biển; huy động sức mạnh cộng đồng trong bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và phát triển kinh tế biển.

IV. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai các nội dung tại Kế hoạch và Phụ lục; chủ động xác định sản phẩm, mốc tiến độ, nhu cầu nguồn lực để tổ chức thực hiện; tổng hợp kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường khi có yêu cầu.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh; tham mưu UBND tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền theo yêu cầu. Nội dung báo cáo phải nêu rõ kết quả, sản phẩm, tiến độ, khó khăn, nguyên nhân, trách nhiệm và kiến nghị, đề xuất.

- Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh nhiệm vụ, cơ quan, đơn vị gửi ý kiến về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Văn Hoàn

PHỤ LỤC

DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG GIAI ĐOẠN 2026–2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/kết quả chủ yếu	Thời gian
I	**NHÓM NHIỆM VỤ CHUNG**				
1	Kế hoạch thực hiện Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai; báo cáo theo dõi	Quý IV/2026
2	Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 20-NQ/TW và Kế hoạch hành động này	Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành; UBND các xã, phường	Chương trình, tin, bài, sản phẩm truyền thông	Thường xuyên; tập trung từ Quý IV/2026
3	Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra các hoạt động, lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm; kiên quyết xử lý nghiêm vi phạm	Thanh tra tỉnh và cơ quan thanh tra chuyên ngành theo chức năng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch, kết luận thanh tra/kiểm tra và kiến nghị xử lý	2026–2030
4	Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện Nghị quyết	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo định kỳ, báo cáo sơ kết, tổng kết	2026–2030
II	**THỂ CHẾ VÀ QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN**				
5	Phối hợp với các Bộ ngành Trung ương rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường ven biển	Báo cáo rà soát, văn bản tham gia ý kiến, đề xuất theo yêu cầu	2026–2030
6	Phối hợp rà soát, bổ sung và thực hiện hiệu quả Chiến lược thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo rà soát, kế hoạch triển khai thuộc thẩm quyền	2026–2030
7	Phối hợp với các Bộ ngành Trung ương rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các	Báo cáo rà soát, văn bản tham gia ý	2026–2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/kết quả chủ yếu	Thời gian
	tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 205		xã, phường ven biển	kiến, đề xuất theo yêu cầu	
III	**HUY ĐỘNG, PHÁT HUY VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ CÁC NGUỒN LỰC**				
8	Nghiên cứu đề xuất, ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù tại khu kinh tế ven biển tỉnh Hưng Yên	Sở Tài chính; Ban Quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường ven biển	Báo cáo rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách	2026–2030
9	Ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia các ngành, lĩnh vực, dự án phục vụ phát triển kinh tế biển, liên kết vùng, các khu công nghiệp, các ngành du lịch, năng lượng, logistics	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; Ban Quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp; UBND các xã, phường	Báo cáo đề xuất, danh mục dự án ưu tiên và giải pháp huy động nguồn lực	2026–2030
IV	**KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, DỮ LIỆU VÀ NHÂN LỰC**				
10	Nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao, phát triển các công nghệ tiên tiến về biển và đại dương; khuyến khích phát triển công nghệ lưỡng dụng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ, đề tài, dự án hoặc báo cáo đề xuất ứng dụng công nghệ	2026–2030
11	Đề án đào tạo, thu hút, phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao (trong đó có du lịch biển)	Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; cơ sở đào tạo, doanh nghiệp	Kế hoạch/đề án đào tạo, thu hút và phát triển nhân lực	2026–2030
V	**ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ BIỂN**				
12	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng, phát triển đồng bộ hệ thống bảo quản, chế biến và chuỗi công nghiệp phụ trợ. Hoàn thiện chính sách đối với ngư dân, ngư nghiệp và ngư trường thúc đẩy phát triển nghề cá bền vững, có trách nhiệm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo rà soát nhu cầu, đề xuất chế độ chính sách, phương án và nhiệm vụ/dự án theo thẩm quyền	2026–2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/kết quả chủ yếu	Thời gian
13	Phát triển năng lượng tái tạo; ưu tiên phát triển điện gió ngoài khơi và chuyển đổi năng lượng tại các vùng ven biển	Sở Công Thương; Sở Tài chính	Các sở, ngành; UBND các xã, phường ven biển	Báo cáo rà soát quy hoạch, tiềm năng, đề xuất phương án và nguồn lực	2026–2030
14	Đầu tư xây dựng và phát triển các cảng cá	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các xã, phường ven biển	Hồ sơ, thủ tục và tiến độ đầu tư theo quy định	2026–2027
VI	**PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG**				
15	Tuyến đường trục dọc số 01: Có điểm đầu tại Khu đô thị biển Ba Lạt (giao với đường bộ ven biển) và điểm cuối tại cầu Bắc Hưng Hải, khu đô thị Ecopark (điểm kết thúc cao tốc Ct.16 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên).	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường có tuyến đường đi qua	Rà soát quy hoạch, nghiên cứu phương án, hồ sơ chuẩn bị đầu tư và tiến độ triển khai	2026–2030
16	Tuyến đường Trục dọc 02: Là tuyến có vai trò kết nối dọc địa giới hành chính tỉnh Hưng Yên và kết nối tới Sân bay Gia Bình (Bắc Ninh)	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường có tuyến đường đi qua	Rà soát quy hoạch, nghiên cứu phương án kết nối, hồ sơ chuẩn bị đầu tư theo thẩm quyền	2026–2030
17	Tuyến đường Trục dọc số 03: Đường di sản phố Hiến, có vai trò kết nối dọc theo sông Hồng từ Khu đô thị Ecopark, tới điểm cuối của tuyến đi trùng một đoạn với tuyến trục dọc 01 (TD.01) ra tới khu đô thị biển Ba Lạt	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường có tuyến đường đi qua	Rà soát quy hoạch, nghiên cứu phương án, hồ sơ chuẩn bị đầu tư và tiến độ triển khai	2026–2030
18	Khu bến Diêm Điền: Từng bước nghiên cứu hình thành bến cảng tổng hợp, công ten nơ, chuyên dùng cho tàu đến 50.000DWT (phía trong sông) và 200.000DWT (phía biển)	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã có liên quan; cơ quan Trung ương	Rà soát quy hoạch, nghiên cứu và đề xuất phương án theo thẩm quyền	2026–2030; tầm nhìn 2050
19	Khu bến Trà Lý: Bao gồm bến tổng hợp, hàng rời, container, hàng lỏng/khí cho tàu đến 150.000	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã có liên	Rà soát quy hoạch, nghiên cứu và đề xuất phương án	2026–2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/kết quả chủ yếu	Thời gian
			quan; cơ quan Trung ương	theo thẩm quyền	
20	Khu bến Ba Lạt (cửa sông Ba Lạt trên ranh giới Hưng Yên - Ninh Bình):	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã có liên quan; tỉnh Ninh Bình và cơ quan Trung ương	Rà soát quy hoạch, phối hợp liên tỉnh, nghiên cứu và đề xuất phương án	2026–2030
21	Đầu tư tuyến đường sắt kết nối trực tiếp với các cảng biển lớn, cảng hàng không quốc tế quan trọng; xem xét kết nối bằng đường sắt chuyên dùng từ các cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng cạn và trung tâm dịch vụ logistics trên các tuyến hành lang vận tải chính với mạng lưới giao thông quốc gia	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; bộ, ngành và địa phương liên quan	Báo cáo nghiên cứu, đề xuất phương án kết nối, kiến nghị cấp có thẩm quyền	2026–2030
22	Phát triển hạ tầng cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, viễn thông, hạ tầng số và hạ tầng xã hội tại các đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch và khu dân cư ven biển; gắn phát triển đô thị biển xanh, thông minh, có bản sắc với chống ngập, thích ứng khí hậu và bảo đảm không gian tiếp cận công cộng với biển.	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường ven biển	Danh mục nhu cầu hạ tầng, kế hoạch/đề xuất đầu tư theo quy hoạch	2026–2030
VII	**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN HỆ SINH THÁI BIỂN, CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU; NÂNG CAO KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG VEN BIỂN**				
23	Đầu tư, nâng cấp hệ thống đê, kè, cống ven biển, cửa biển; hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai; phòng, chống biển xâm thực, sạt lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn; hệ thống	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Sở Công Thương; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành;	Rà soát hiện trạng, danh mục công trình/nhiệm vụ ưu tiên, phương án	2026–2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/kết quả chủ yếu	Thời gian
	quan trắc, giám sát, cảnh báo tự động về chất lượng môi trường, ứng phó với sự cố môi trường, hóa chất độc trên biển; kiểm soát ô nhiễm môi trường biển.		UBND các xã, phường ven biển	quan trắc và ứng phó	
24	Dự án đóng mới tàu kiểm ngư nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động lực lượng Kiểm ngư tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Công an tỉnh; các sở, ngành liên quan	Báo cáo xác định nhu cầu, phương án đầu tư, nguồn vốn, tổ chức quản lý và vận hành; hồ sơ theo trình tự, thẩm quyền	2026–2027